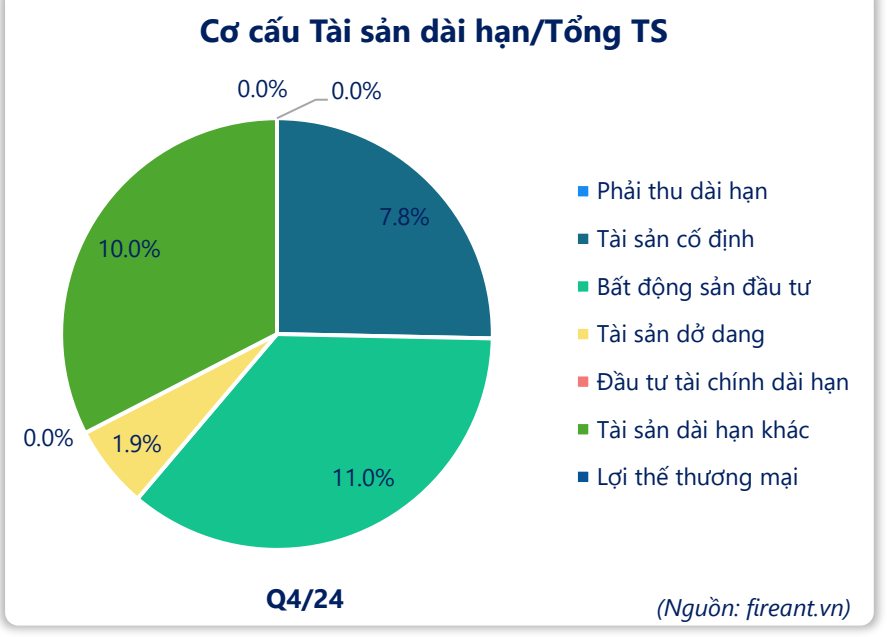
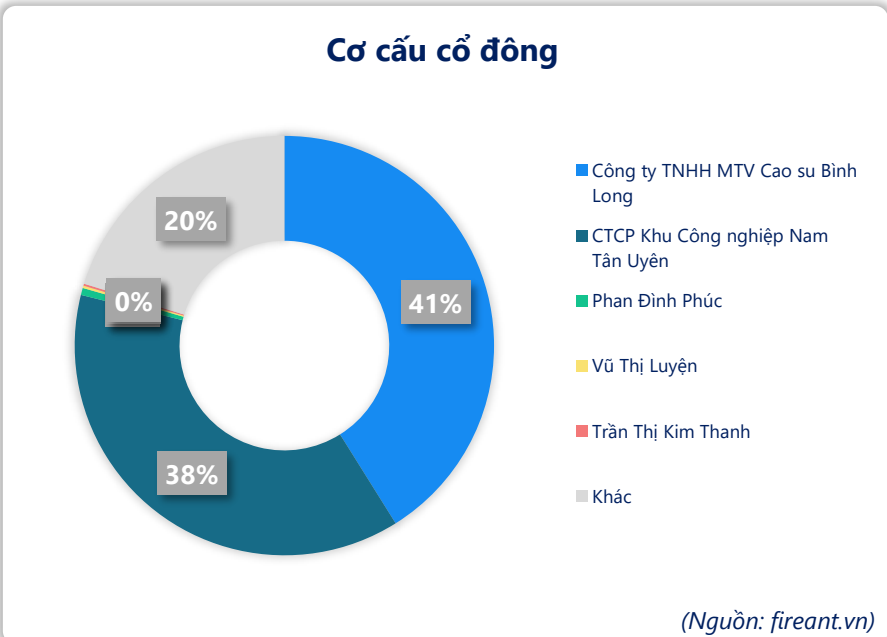
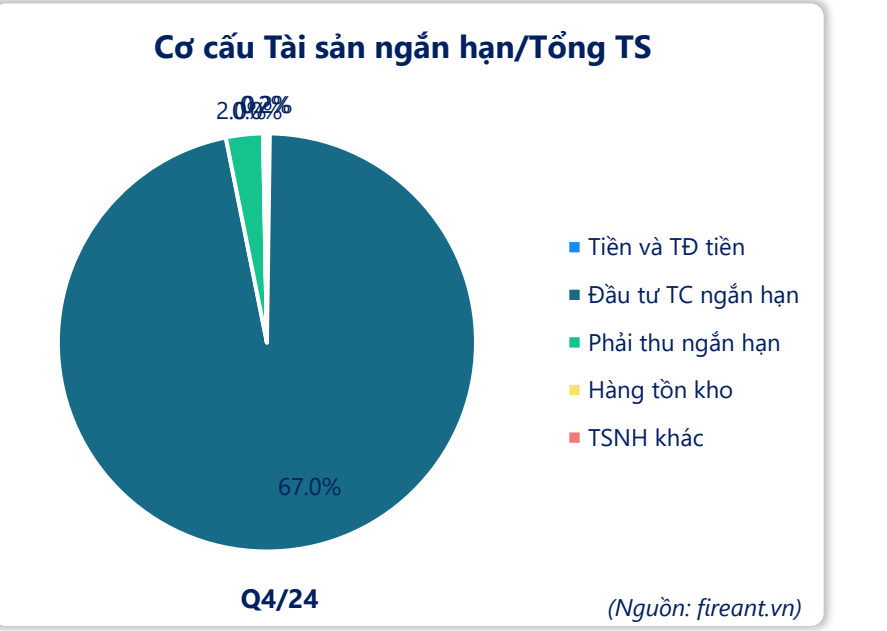
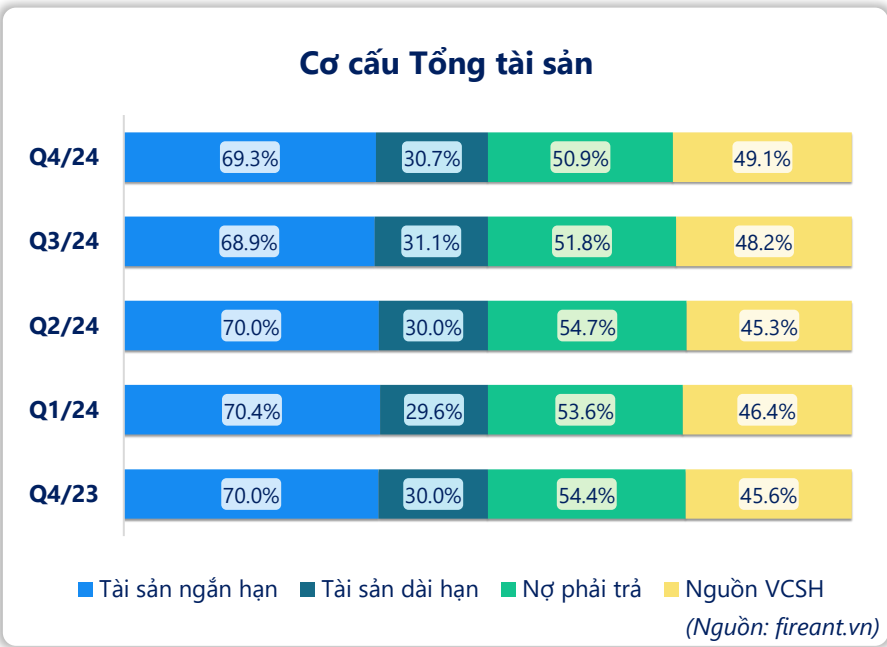
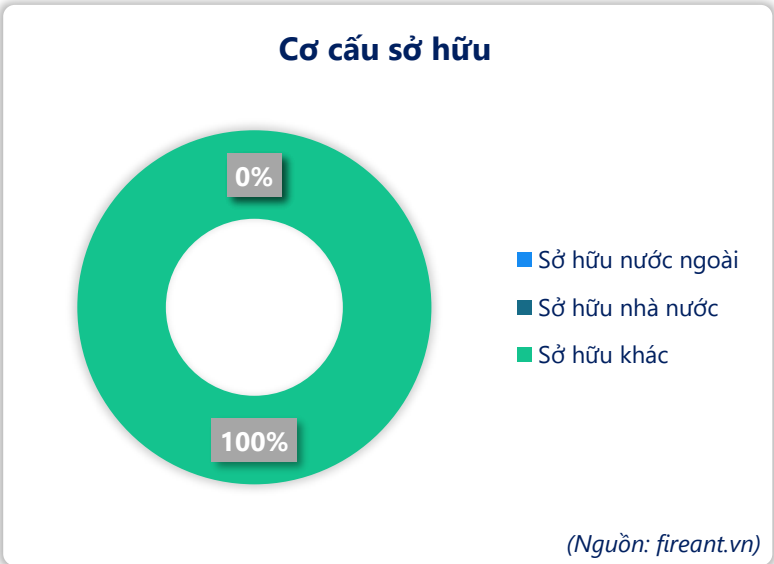
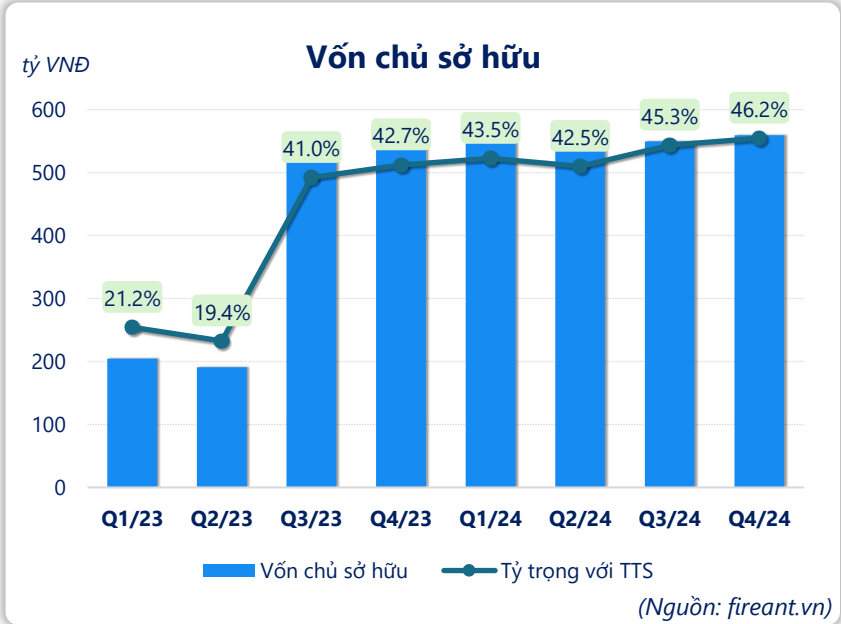
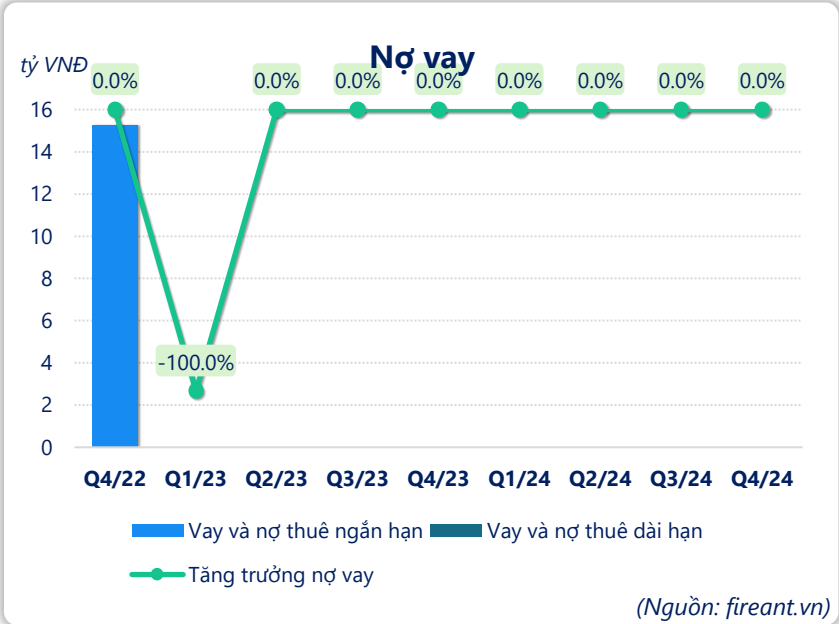
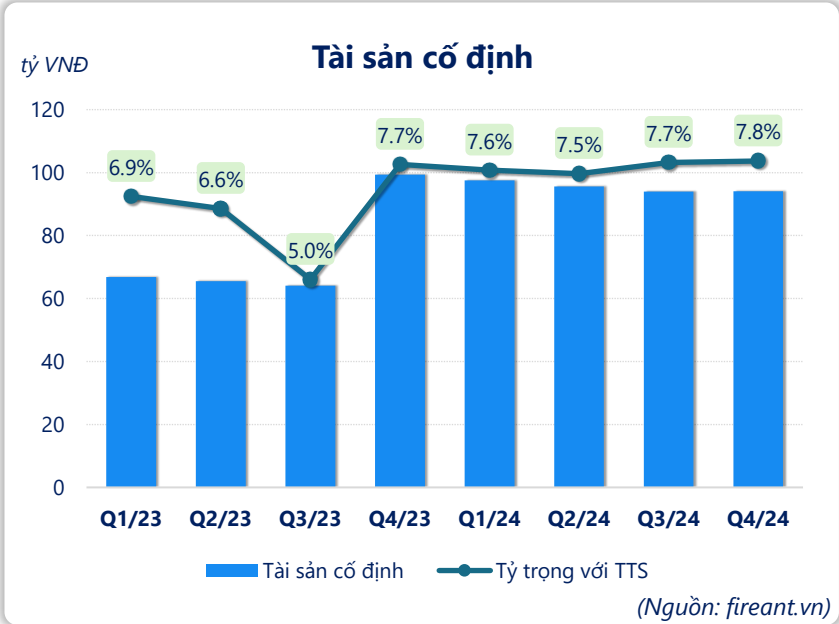
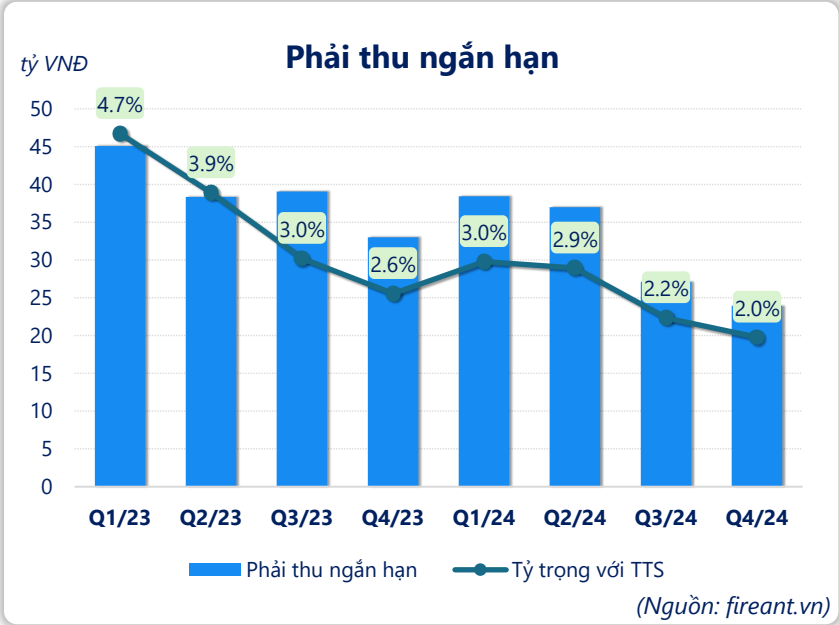
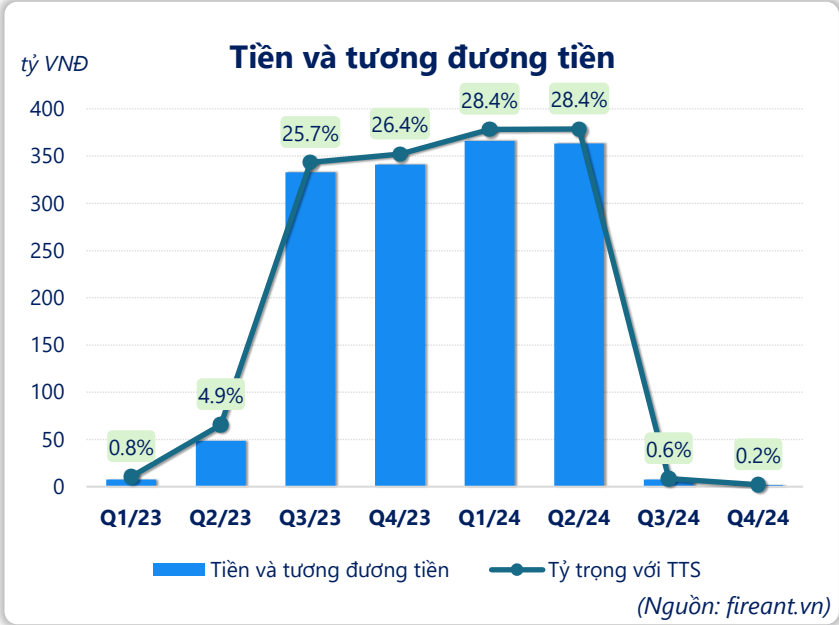
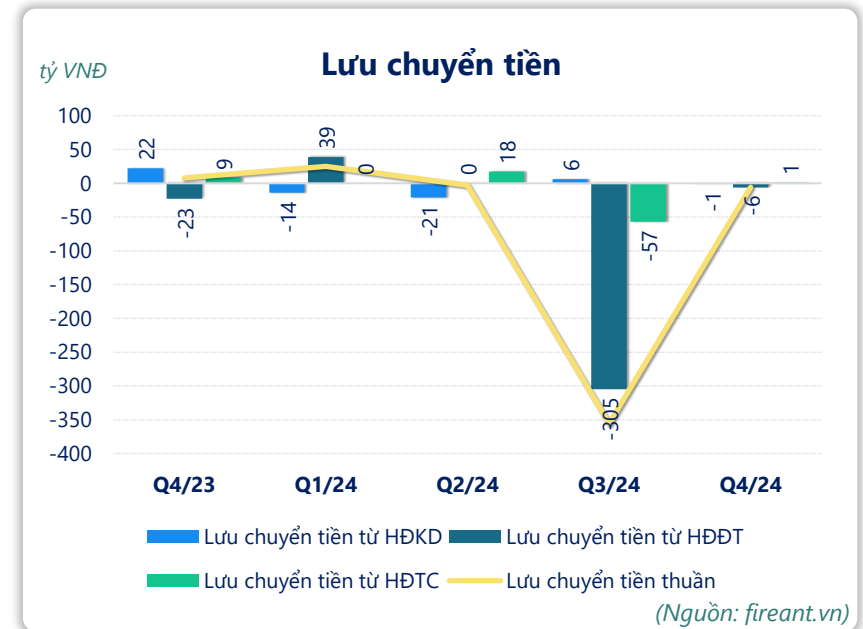
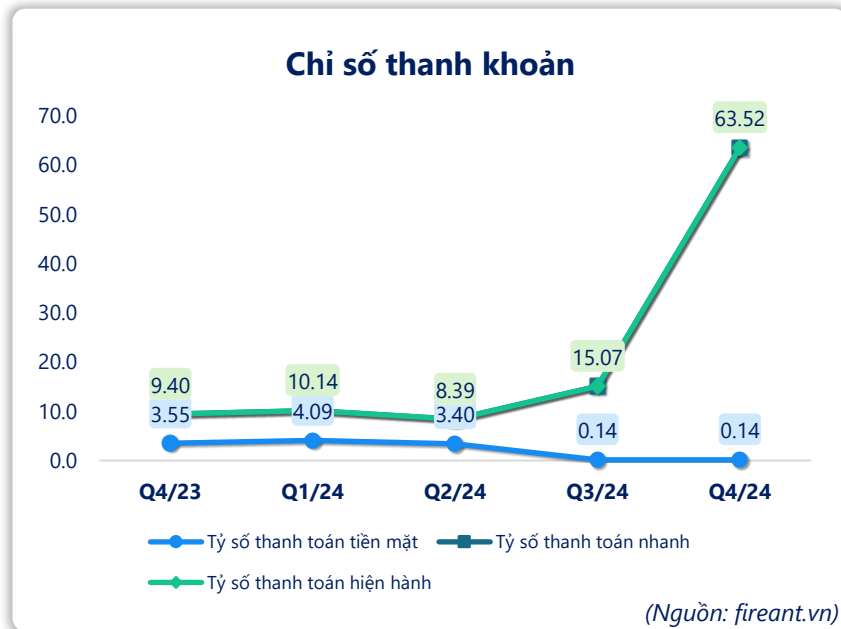
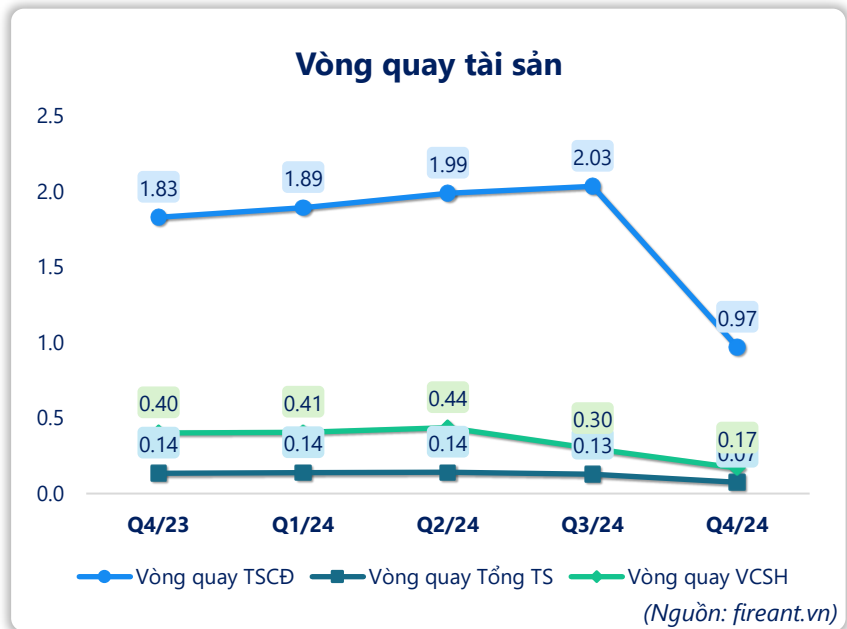
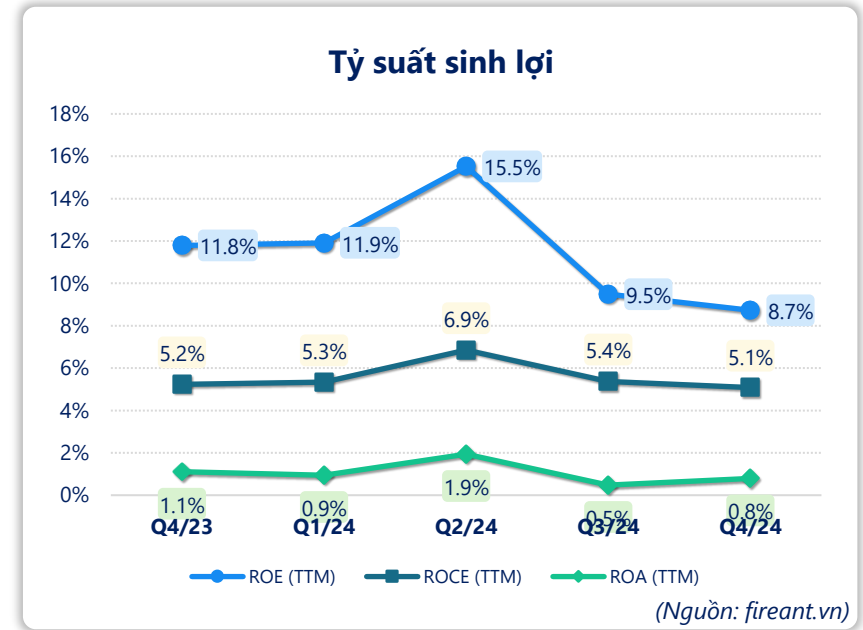
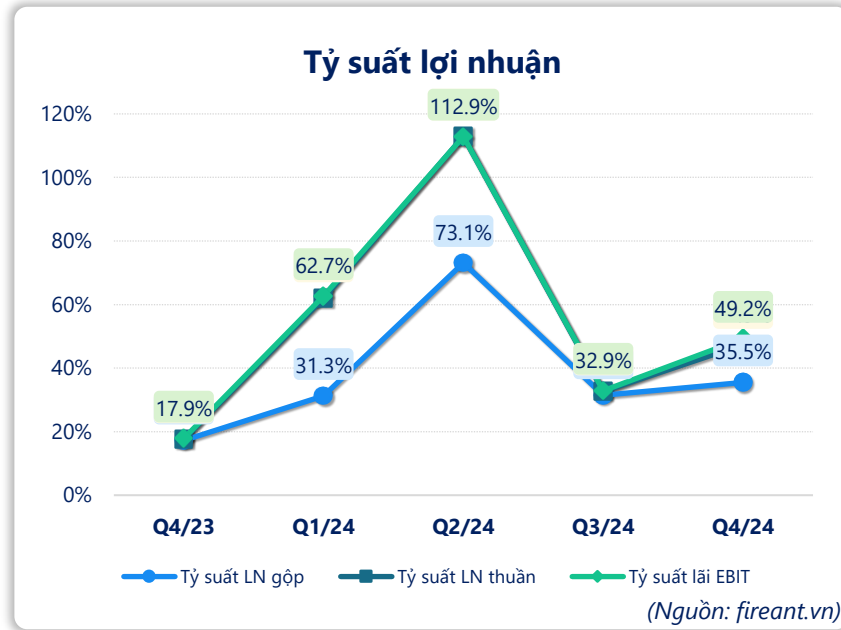
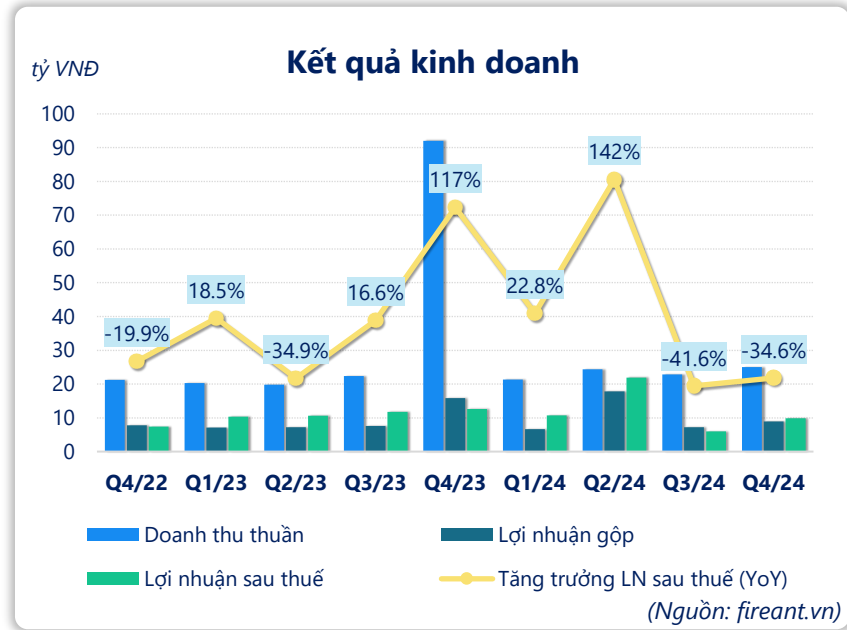


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		33,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		30,198
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		695
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		811
P/E		16.7
EPS		2,019

	YTD	1T	3T	6T
MH3		4.0%	-7.9%	4.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,210	1,291	-6.3%
Tài sản ngắn hạn	839	909	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	1.86	341	-99.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	810	532	52.2%
Phải thu ngắn hạn	23.9	32.9	-27.3%
Hàng tồn kho	0.37	0.18	107%
Tài sản ngắn hạn khác	2.16	2.48	-13.1%
Tài sản dài hạn	372	382	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	94.1	99.4	-5.3%
Bất động sản đầu tư	133	133	0.0%
Tài sản dở dang	23.2	23.5	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	7.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	121	119	1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	616	702	-12.3%
Nợ ngắn hạn	13.2	96.2	-86.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.91	3.94	24.6%
Nợ dài hạn	603	606	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	594	589	0.9%
Vốn chủ sở hữu	559	551	1.5%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	35.1	38.0	-7.9%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	92.0	21.4	24.4	22.8	25.1
Giá vốn hàng bán	76.2	14.7	6.56	15.7	16.2
Lợi nhuận gộp	15.9	6.67	17.8	7.19	8.91
Doanh thu HĐTC	12.2	11.0	14.8	4.11	9.47
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí QLDN	11.8	4.41	5.07	3.81	6.49
LN thuần từ HĐKD	16.2	13.2	27.5	7.47	11.9
Lợi nhuận khác	0.23	0.15	-0.01	0.05	0.48
LN trước thuế	16.4	13.4	27.5	7.52	12.3
Lợi nhuận sau thuế	12.6	10.7	21.9	5.99	9.84
LNST của CĐ cty mẹ	12.6	10.7	21.9	5.99	9.84

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.3	-13.9	-20.9	6.13	-0.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.8	38.9	0.42	-305	-6.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.68	0	17.7	-57.1	1.02
Tiền đầu kỳ	333	341	366	363	7.73
Lưu chuyển tiền thuần	8.12	25.1	-2.82	-356	-5.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	341	366	363	7.73	1.86

(Nguồn: fireant.vn)